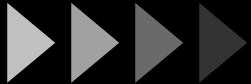


# Tổng quan về các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã tham gia và khả năng tận dụng của doanh nghiệp



Phùng Thị Lan Phương  
Trưởng phòng FTA – Trung tâm WTO và Hội nhập, VCCI

# Quá trình hội nhập của Việt Nam



- Gia nhập WTO
- Các FTAs khu vực (ASEAN, ASEAN+)

## HỘI NHẬP THEO CHIỀU RỘNG

1995  
- 2000

2001  
- 2010

2011  
- Nay

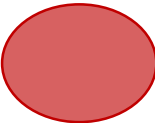
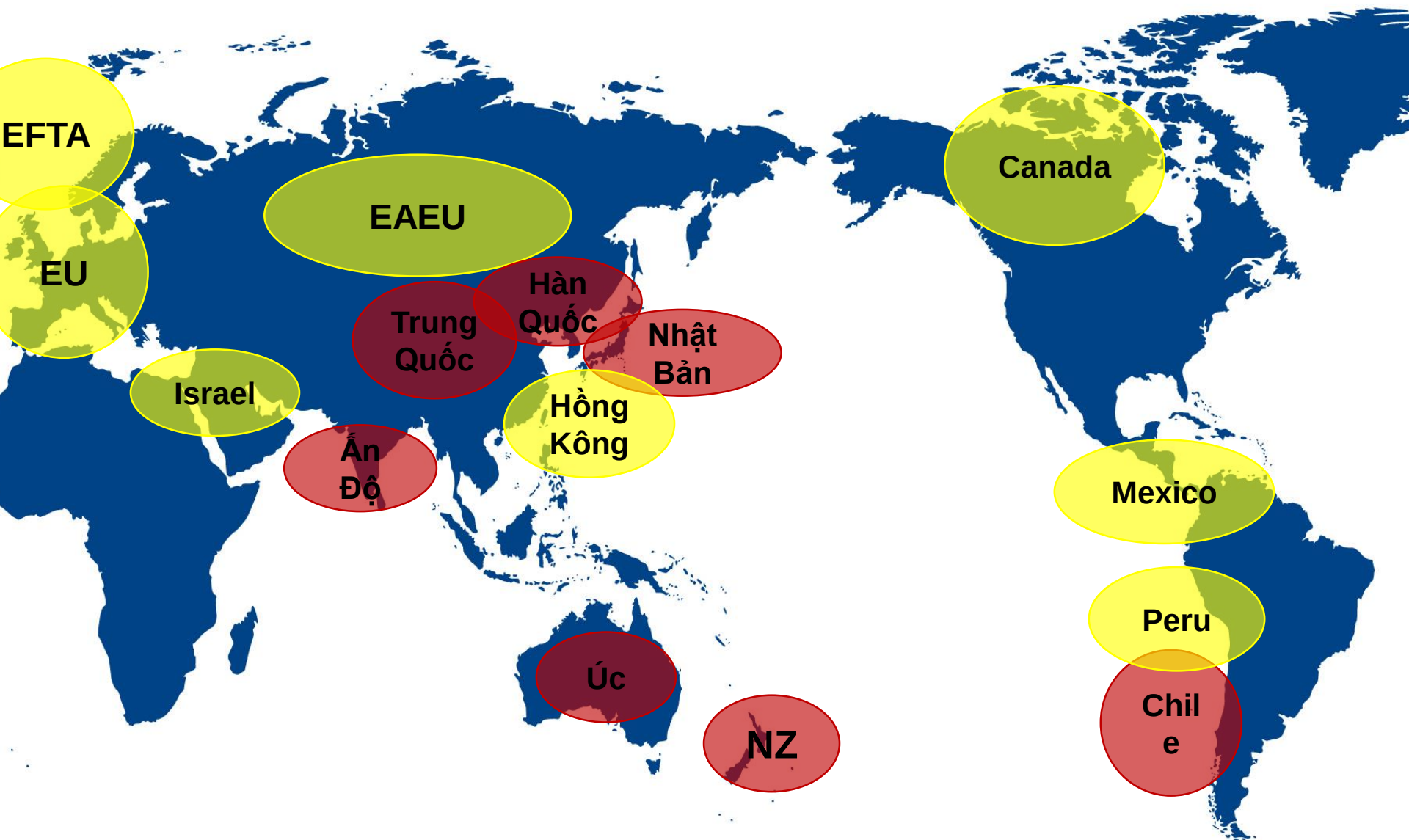
### SƠ KHAI

- Gia nhập ASEAN 1995
- Đàm phán BTA

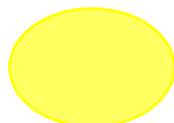
### HỘI NHẬP THEO CHIỀU SÂU

- TPP, EVFTA
- Các FTA khác

| STT                                    | FTA                  | Thời gian                        | Đối tác                                                                                  |
|----------------------------------------|----------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| FTAs đã có hiệu lực                    |                      |                                  |                                                                                          |
| 1                                      | AFTA                 | Có hiệu lực từ 1993              | ASEAN                                                                                    |
| 2                                      | ACFTA                | Có hiệu lực từ 2003              | ASEAN, Trung Quốc                                                                        |
| 3                                      | AKFTA                | Có hiệu lực từ 2007              | ASEAN, Hàn Quốc                                                                          |
| 4                                      | AJCEP                | Có hiệu lực từ 2008              | ASEAN, Nhật Bản                                                                          |
| 5                                      | VJEPA                | Có hiệu lực từ 2009              | VN, Nhật Bản                                                                             |
| 6                                      | AIFTA                | Có hiệu lực từ 2010              | ASEAN, Ấn Độ                                                                             |
| 7                                      | AANZFTA              | Có hiệu lực từ 2010              | ASEAN, Úc, New Zealand                                                                   |
| 8                                      | VCFTA                | Có hiệu lực từ 2014              | VN, Chi Lê                                                                               |
| 9                                      | VKFTA                | Có hiệu lực từ 2015              | VN, Hàn Quốc                                                                             |
| 10                                     | VN – EAEU FTA        | Có hiệu lực từ 2016              | VN, Nga, Belarus, Armenia, Kazakhstan, Kyrgyzstan                                        |
| FTA đã ký nhưng chưa có hiệu lực       |                      |                                  |                                                                                          |
| 11                                     | AHKFTA               | Ký tháng 11/2017                 | ASEAN, Hồng Kông (Trung Quốc)                                                            |
| 12                                     | CPTPP                | Ký tháng 3/2018                  | VN, Canada, Mexico, Peru, Chi Lê, New Zealand, Úc, Nhật Bản, Singapore, Brunei, Malaysia |
| FTA đã kết thúc đàm phán nhưng chưa ký |                      |                                  |                                                                                          |
| 13                                     | EVFTA                | Kết thúc tháng 2/2016            | VN, EU (28 countries)                                                                    |
| FTA đang đàm phán                      |                      |                                  |                                                                                          |
| 14                                     | RCEP                 | Khởi động đàm phán tháng 3/2013  | ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc, New Zealand                            |
| 15                                     | Vietnam – EFTA FTA   | Khởi động đàm phán tháng 5/2012  | VN, EFTA (Switzerland, Norway, Iceland, Liechtenstein)                                   |
| 16                                     | Vietnam – Israel FTA | Khởi động đàm phán tháng 12/2015 | VN, Israel                                                                               |



FTA đã có hiệu lực



FTA chưa có hiệu lực

# TỔNG QUAN VỀ FTA

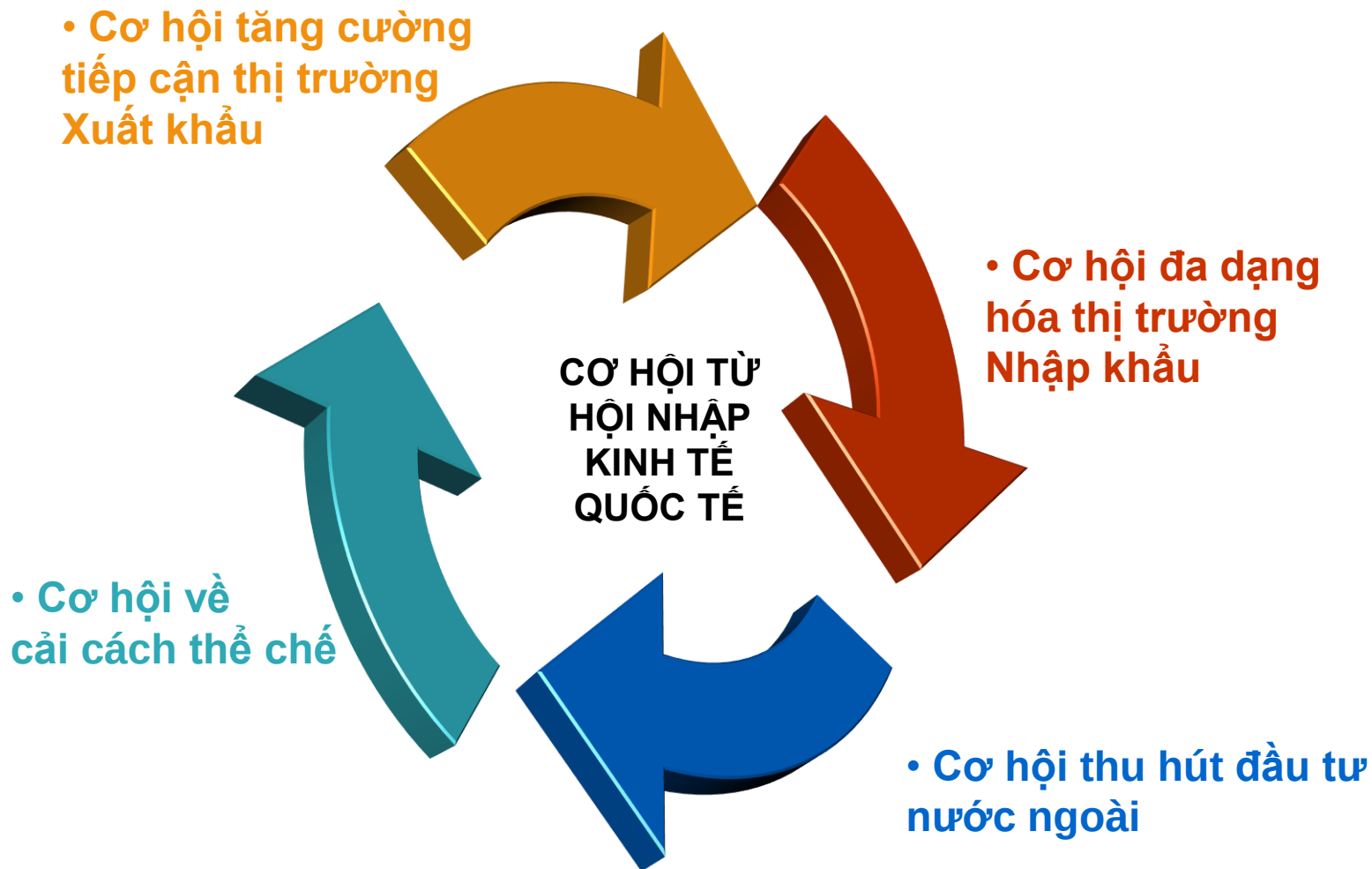


| Vấn đề                  | WTO                                                                                                                       | FTA                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Phạm vi</b>          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thương mại hàng hóa</li> <li>Thương mại dịch vụ</li> <li>Sở hữu trí tuệ</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>FTA truyền thống: chủ yếu về thương mại hàng hóa (ít lĩnh vực hơn WTO)</li> <li>FTA thế hệ mới: Thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, mua sắm công, môi trường, lao động....(nhiều lĩnh vực hơn WTO)</li> </ul> |
| <b>Mức độ tự do hóa</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hạn chế</li> </ul>                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Cao</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>Quy tắc xuất xứ</b>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>Đối tác</b>          | <ul style="list-style-type: none"> <li>164 thành viên</li> </ul>                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thành viên FTA<br/>(Một hoặc một nhóm nước)</li> </ul>                                                                                                                                                                          |
| <b>Diện tác động</b>    | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thương mại</li> <li>Thể chế</li> </ul>                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>FTA truyền thống: Chủ yếu tác động tới thương mại</li> <li>FTA thế hệ mới: Thương mại, thể chế, và nhiều vấn đề khác</li> </ul>                                                                                                 |

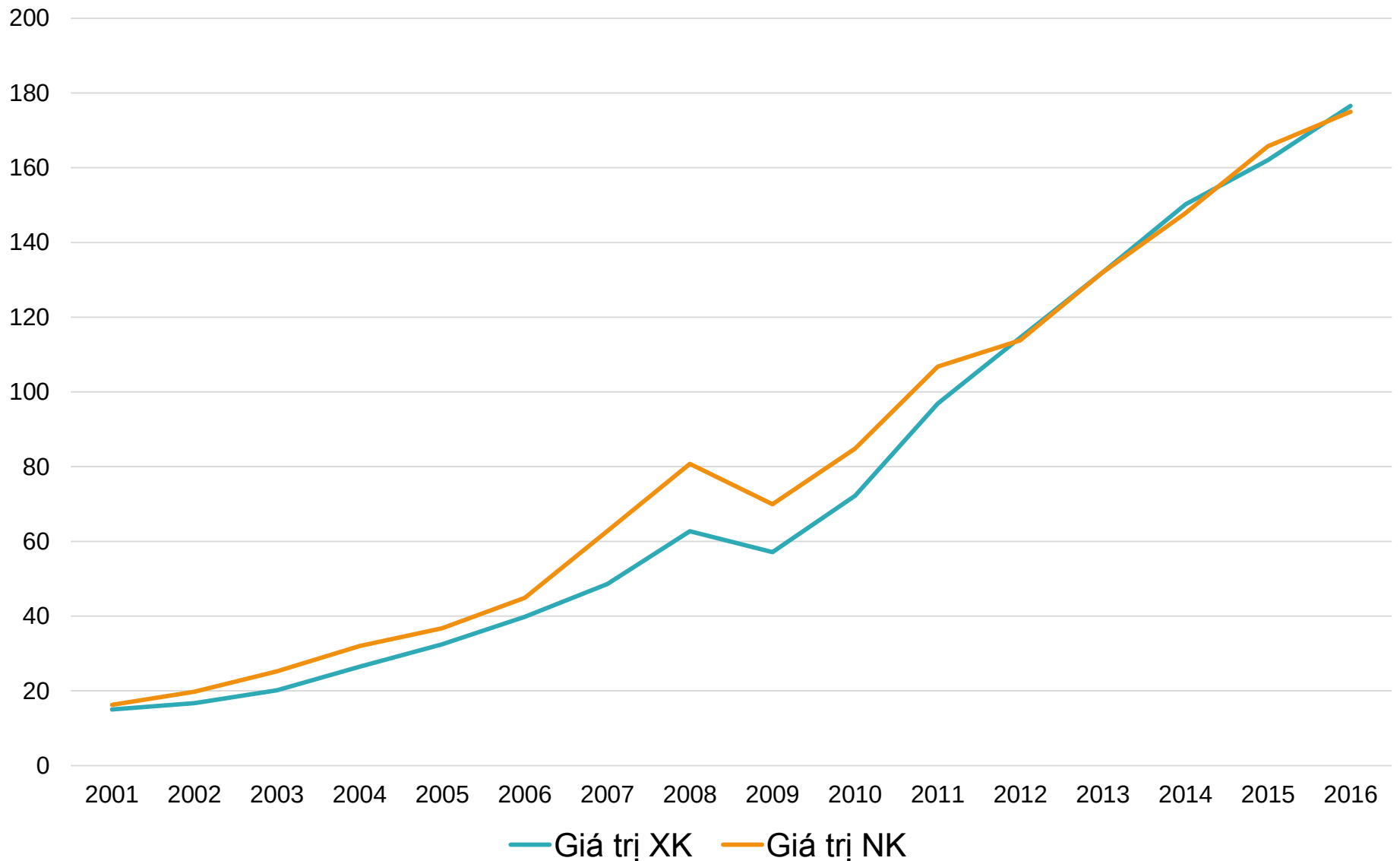
So sánh các nội dung chính của CPTPP và các FTA trong khuôn khổ ASEAN

| STT | Nội dung                                | CPTPP | AFTA | ACFTA | AKFTA | AJCEP | AIFTA | AANZFTA | AHKFTA |
|-----|-----------------------------------------|-------|------|-------|-------|-------|-------|---------|--------|
| 1   | Xóa bỏ thuế quan                        |       |      |       |       |       |       |         |        |
| 2   | Quy tắc xuất xứ                         |       |      |       |       |       |       |         |        |
| 3   | Dệt may                                 |       |      |       |       |       |       |         |        |
| 4   | Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại    |       |      |       |       |       |       |         |        |
| 5   | Phòng vệ thương mại                     |       |      |       |       |       |       |         |        |
| 6   | SPS                                     |       |      |       |       |       |       |         |        |
| 7   | TBT                                     |       |      |       |       |       |       |         |        |
| 8   | Dịch vụ                                 |       |      |       |       |       |       |         |        |
| 9   | Dịch vụ tài chính                       |       |      |       |       |       |       |         |        |
| 10  | Đầu tư                                  |       |      |       |       |       |       |         |        |
| 11  | Cơ chế ISDS                             |       |      |       |       |       |       |         |        |
| 12  | Nhập cảnh tạm thời của khách kinh doanh |       |      |       |       |       |       |         |        |
| 13  | Viễn thông                              |       |      |       |       |       |       |         |        |
| 14  | Thương mại điện tử                      |       |      |       |       |       |       |         |        |
| 15  | Mua sắm công                            |       |      |       |       |       |       |         |        |
| 16  | Chính sách cạnh tranh                   |       |      |       |       |       |       |         |        |
| 17  | Doanh nghiệp nhà nước                   |       |      |       |       |       |       |         |        |
| 18  | Sở hữu trí tuệ                          |       |      |       |       |       |       |         |        |
| 19  | Lao động                                |       |      |       |       |       |       |         |        |
| 20  | Môi trường                              |       |      |       |       |       |       |         |        |
| 21  | Hợp tác và nâng cao năng lực            |       |      |       |       |       |       |         |        |
| 22  | Giải quyết tranh chấp                   |       |      |       |       |       |       |         |        |

# CƠ HỘI TỪ WTO VÀ CÁC FTA



## Biểu đồ số liệu xuất nhập khẩu của Việt Nam (2001-2016)



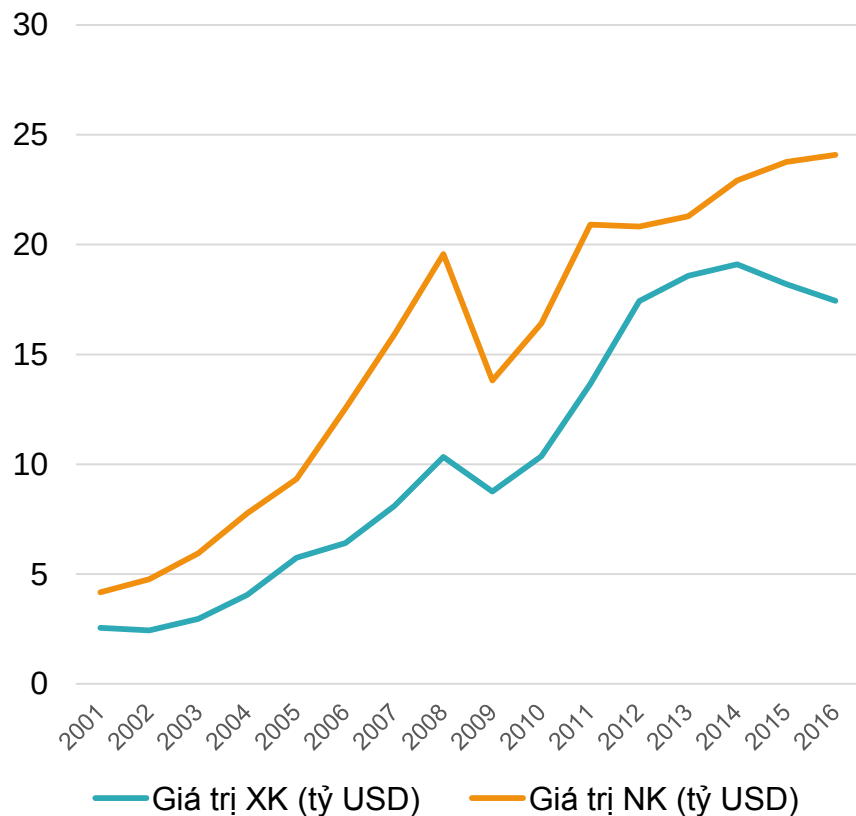
Đơn vị: Tỷ USD

Nguồn: ITC Trademap

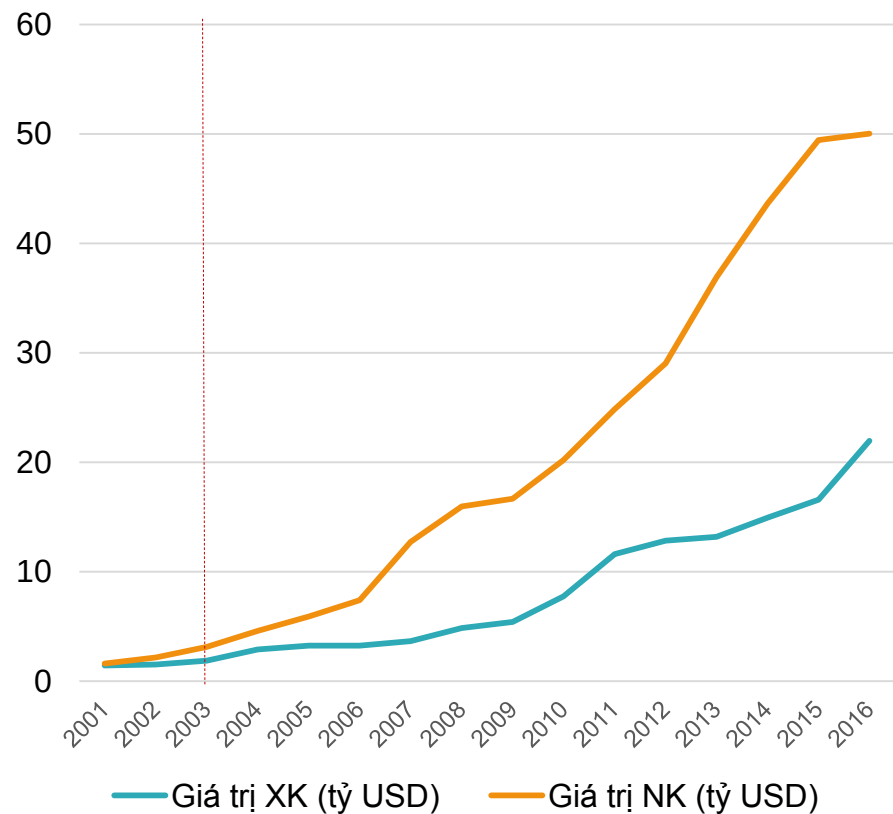


# 6 ĐỐI TÁC FTA VIỆT NAM NHẬP SIÊU

Nhập siêu với ASEAN



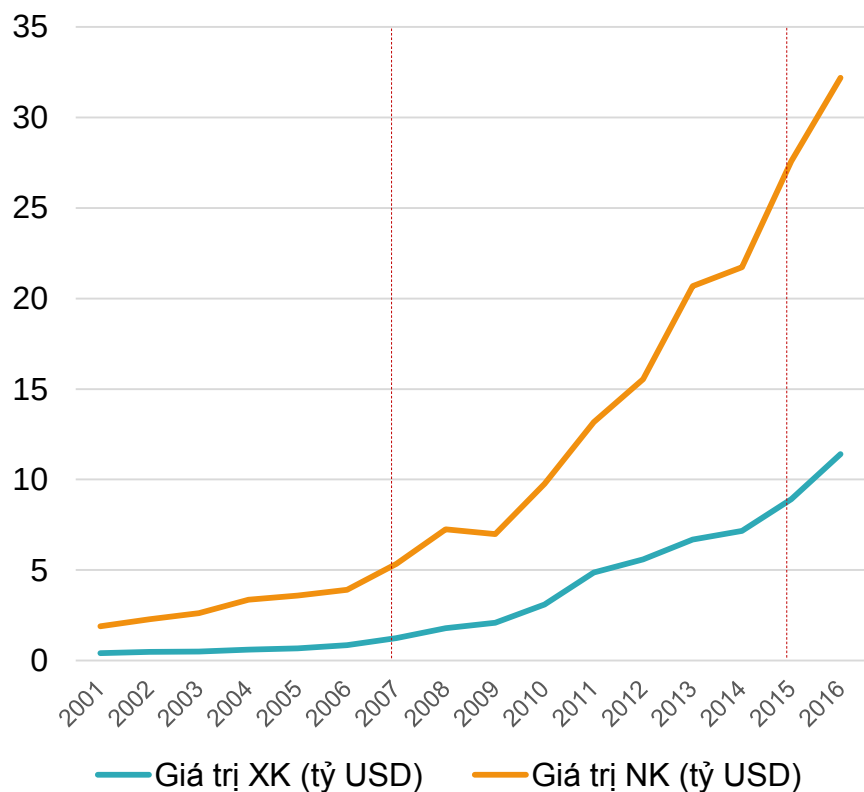
Nhập siêu với Trung Quốc



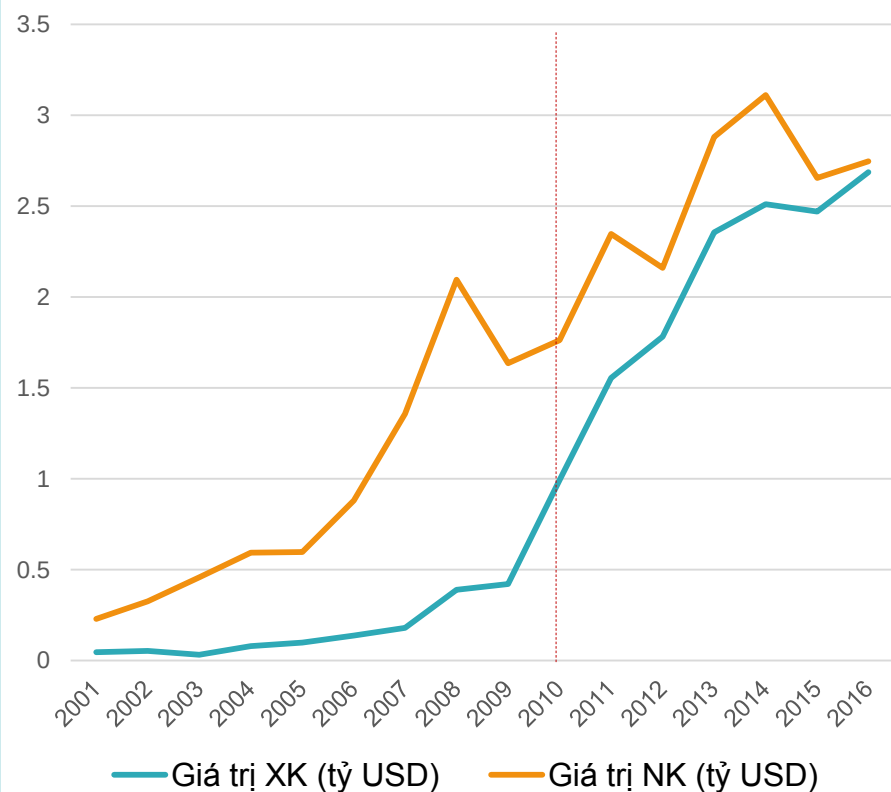
Nguồn: ITC Trade Map

# 6 ĐỐI TÁC FTA VIỆT NAM NHẬP SIÊU

Nhập siêu với Hàn Quốc

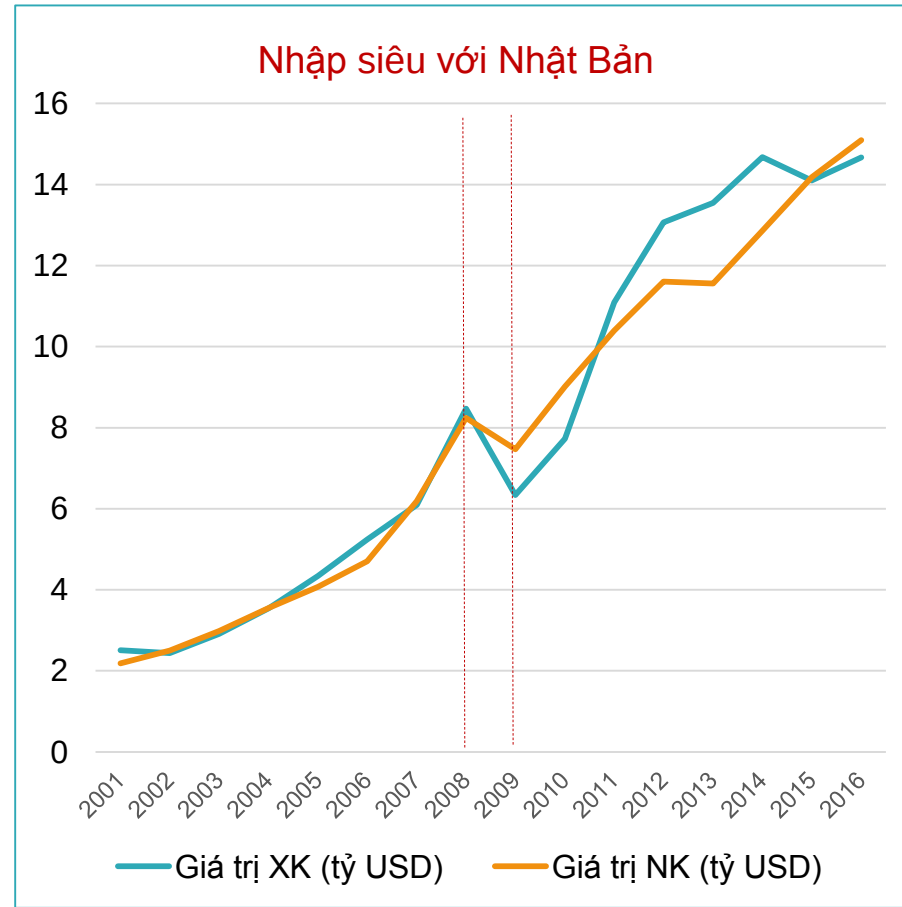
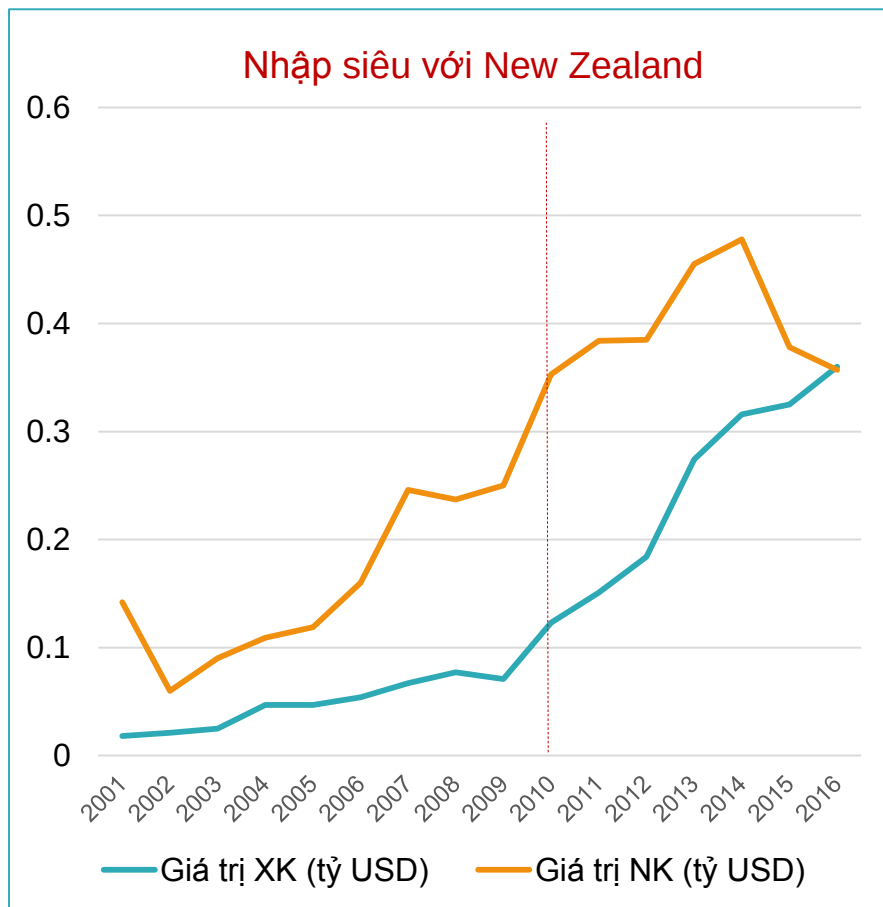


Nhập siêu với Ấn Độ



Nguồn: ITC Trade Map

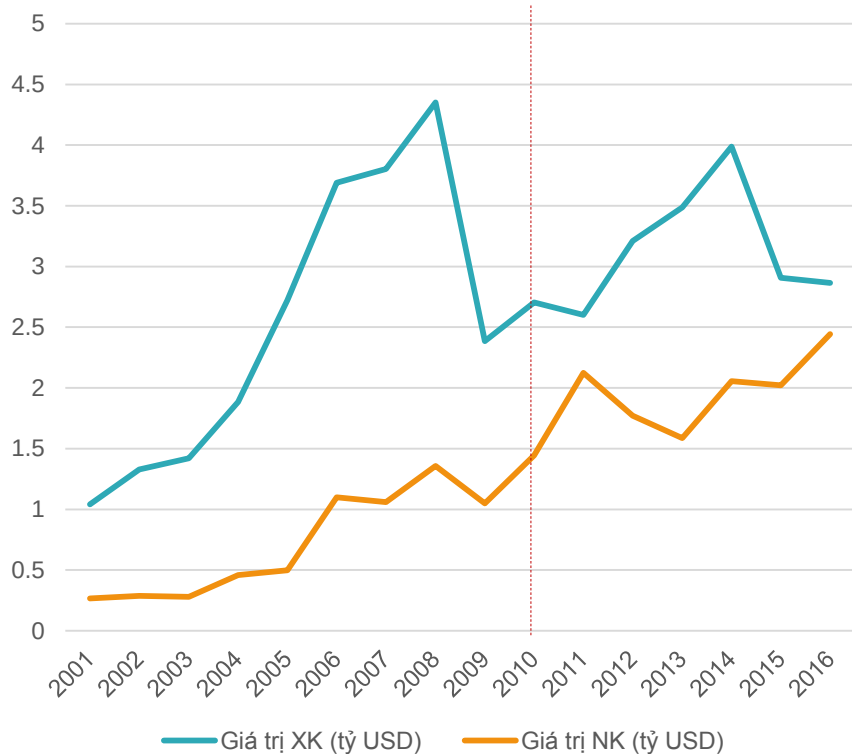
# 6 ĐỐI TÁC FTA VIỆT NAM NHẬP SIÊU



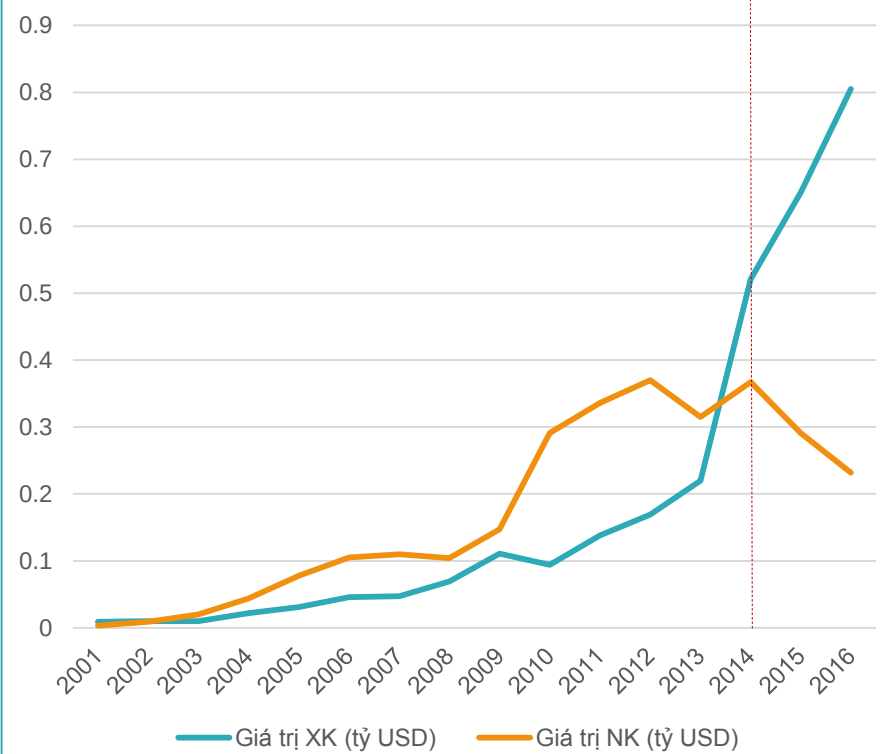
Nguồn: ITC Trade Map

## 2 ĐỐI TÁC FTA VIỆT NAM XUẤT SIÊU

Xuất siêu với Úc

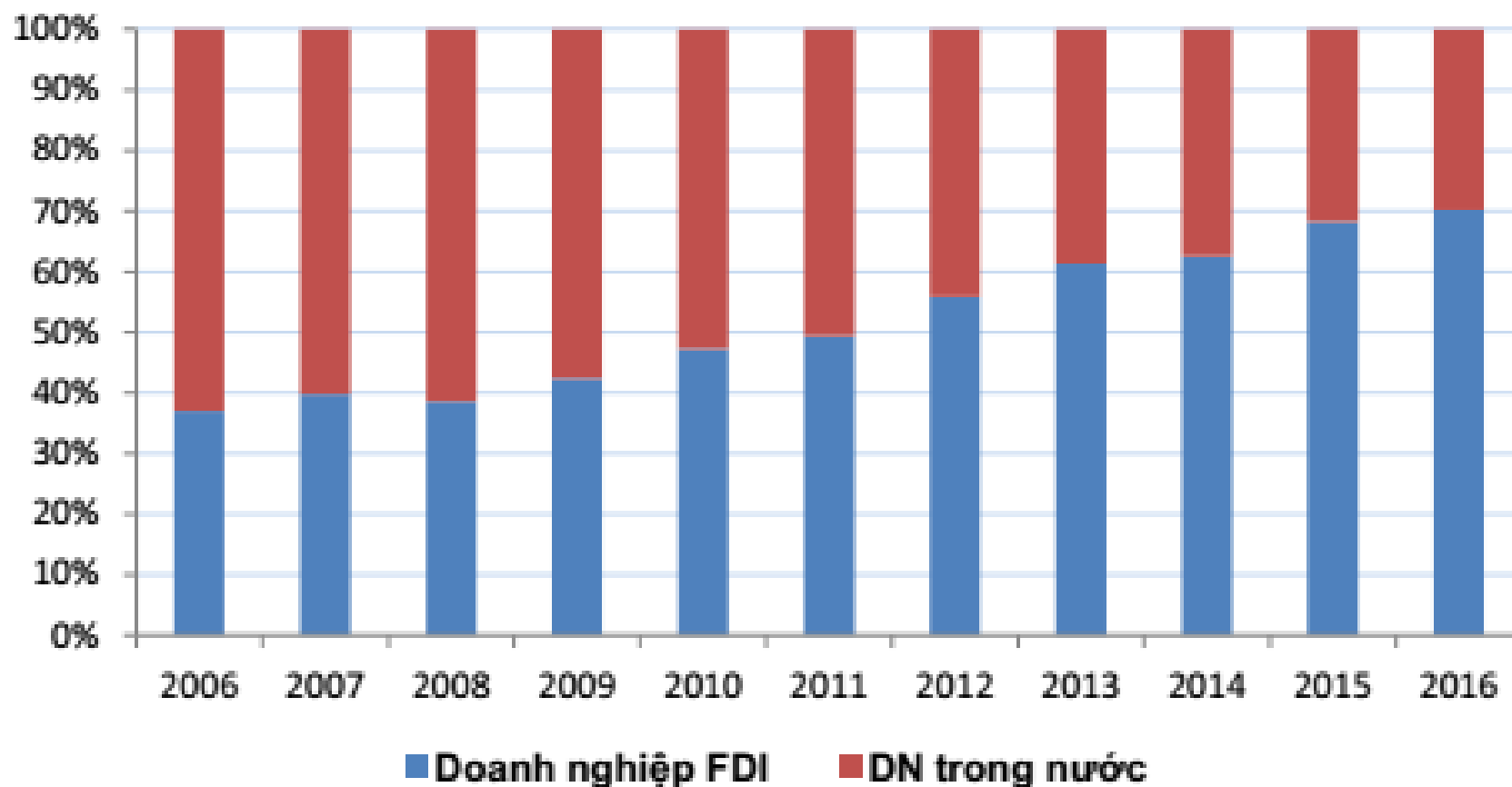


Xuất siêu với Chi Lê



Nguồn: ITC Trade Map

**Tỷ trọng xuất khẩu của khối FDI và doanh nghiệp có vốn hoàn toàn trong nước trong tổng xuất khẩu cả nước, 2006-2016**

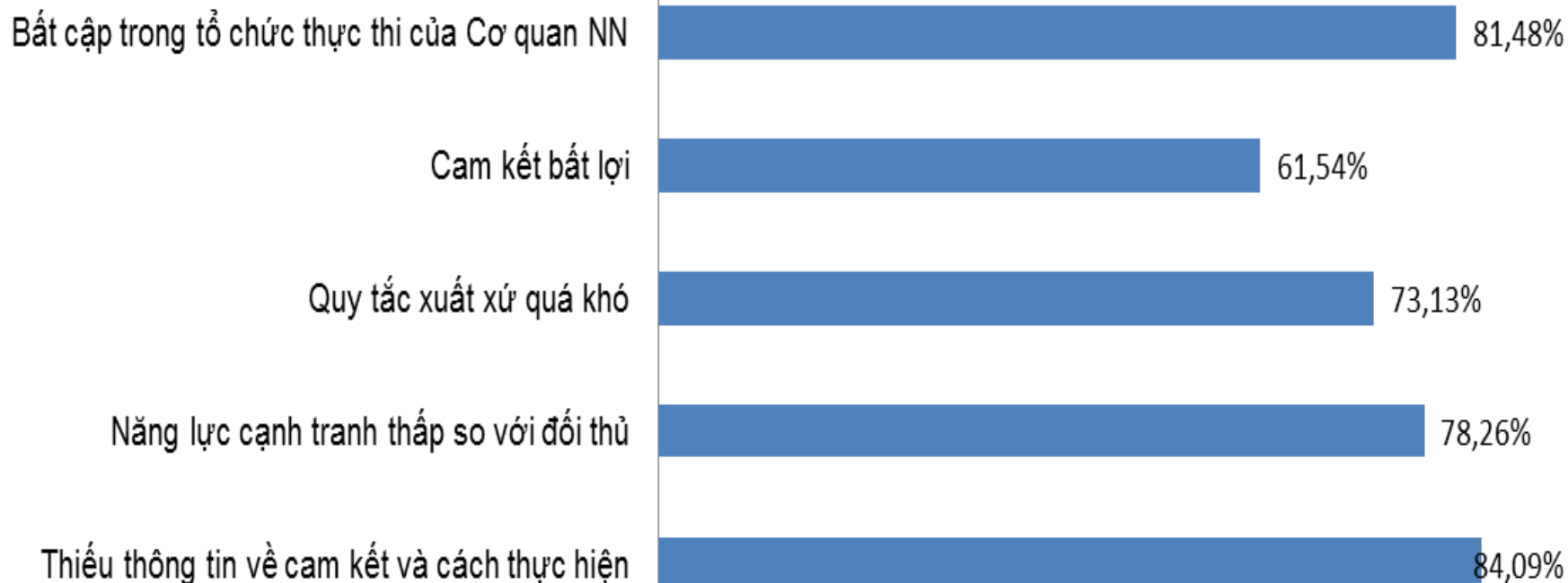


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## Yếu tố nào cản trở DN tận dụng FTA



### Yếu tố cản trở DN hưởng lợi từ các FTA



[illegible]



[Giới thiệu](#) [Liên hệ](#) [Sitemap](#)

[VI](#) [EN](#) Thứ Năm, 06/09/2018

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM  
Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội  
Tel: 84-24-35771458, Fax: 84-24-35771459



[Trang chủ](#)

[WTO](#)

[FTA](#)

[Hiệp định khác](#)

[Vấn đề nóng](#)



Tin nổi bật

NEW!

[Trang chủ](#) > Chuyên đề

## TIN TỨC

### WTO

- [Giới thiệu WTO](#)
- [Văn kiện](#)
- [Tranh chấp](#)
- [Các đàm phán đa](#)
- [WTO và Việt Nam](#)
- [Nghiên cứu và tra](#)

### HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO

- [Đã ký kết](#)
- [Đang đàm phán](#)
- [Thông tin liên quan](#)

#### [Giới thiệu WTO](#)

- Giới thiệu ngắn gọn về WTO
- 10 lợi ích của hệ thống thương mại WTO
- 10 điều hiểu sai về WTO

#### [Các đàm phán đang diễn ra](#)

- Văn kiện đàm phán
- Tình hình đàm phán

#### [Văn kiện](#)

- Các văn kiện cơ bản của WTO

#### [WTO và Việt Nam](#)

- Văn kiện
- Văn bản thực thi
- Tin tức thực thi
- Nghiên cứu và tranh luận

#### [Tranh chấp](#)

- Giới thiệu cơ chế giải quyết tranh chấp
- Thông kê các tranh chấp
- Tóm tắt các vụ tranh chấp
- Nghiên cứu vụ việc

#### [Nghiên cứu - Tranh luận](#)



may vào Mỹ và  
Quốc "đi đường

it khẩu chính của  
dệt may với gần 40% tổng kim ngạch.  
Tuy nhiên, cuộc chiến thương mại  
Trung Quốc – Mỹ bùng nổ, xuất khẩu  
dệt may Việt sẽ phải đứng trước nhiều  
thách thức lớn.



# Một số Địa chỉ hữu ích



## **Trung tâm WTO và Hội Nhập**

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

Tel: 04 35771458

Fax: 04 35771459

Email: banthuky@trungtamwto.vn

Website: www.trungtamwto.vn

## **Cục Xuất Nhập khẩu, Bộ Công Thương**

Tel: 04 3934 7628

Fax: 04 3934 8142

## **Vụ Chính sách Thương mại Đa biên, Bộ Công Thương**

Tel: 04 22 205 412

Fax: 04 22202525

Email: VCSTMDB@moit.gov.vn

Website: www.moit.gov.vn

## **Cục Xúc tiến Thương mại, Bộ Công Thương**

Tel: 04 3934 7628

Fax: 04 3934 8142

Email: viettrade@viettrade.gov.vn

Website: www.viettrade.gov.vn

## **Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Tài chính**

Tel: 04-2220.2828 Fax: 04-2220.8091

Website:

[http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof\\_vn/1371620/1371623](http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/1371620/1371623)

## **Các Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài**

**Trung tâm WTO và Hội nhập**

**Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam**

- Add: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
- T : +84 4 35771458      F: +84 4 35771459
- Email: [banthuky@trungtamwto.vn](mailto:banthuky@trungtamwto.vn)
- Website [trungtamwto.vn](http://trungtamwto.vn) / [wtocenter.vn](http://wtocenter.vn)
- Fb: [facebook.com/trungtamwtovahoinhap](https://facebook.com/trungtamwtovahoinhap)



Thank  
you!